



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Len	Chủ tịch
Ông Bùi Xuân Hải	Thành viên
Bà Võ Thị Hà Giang	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Đoàn Trang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	Thành viên
Bà Mai Ngọc Liên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Xuân Hải - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly,



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2025

Số: 032502/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang theo dõi khoản chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng từ các năm trước. Nếu Công ty hạch toán các khoản đã chi này vào kết quả kinh doanh của các năm trước thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận các khoản công nợ phải thu khách hàng của Công ty với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 21.384.619.226 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 38.447.077.322 đồng), trả trước cho người bán với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 298.692.145 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 302.942.145 đồng), phải trả cho người bán với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.334.216.419 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.224.216.418 đồng) và phải thu ngắn hạn khác với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.109.341.558 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.109.341.558 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính hiện hữu và đầy đủ các khoản mục công nợ nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho những khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền 22.618.083.150 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28.298.423.831 đồng). Nếu Công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi vào các năm trước thì trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi 22.618.083.150 đồng và chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 42.557.635.090 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 39.936.084.821 đồng). Trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 69.399.343.128 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 65.695.235.617 đồng), vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đang âm 10.084.898.085 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 âm 6.380.790.574 đồng). Thù lao HĐQT Công ty chưa thực hiện chi trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.098.250.000 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 40.255.432.040 đồng là nợ xấu. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tăng cường công tác thu hồi công nợ trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của các đối tác cho vay để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.150.256.390	41.196.733.383
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.032.246.148	4.807.430.880
1. Tiền	111	V.1	4.032.246.148	4.807.430.880
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.6	510.000.000	540.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(490.000.000)	(460.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.602.135.242	35.111.423.412
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	42.471.901.899	49.265.310.125
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		298.692.145	302.942.145
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	2.219.827.425	2.137.028.175
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(16.388.286.227)	(16.593.857.033)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	-	626.792.585
1. Hàng tồn kho	141		15.565.117	642.357.702
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.565.117)	(15.565.117)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.875.000	111.086.506
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	5.875.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	111.086.506
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.510.139.278	33.592.696.520
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		195.325.427	195.325.427
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	195.325.427	195.325.427
II. Tài sản cố định	220		59.624.428	477.086.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	59.624.428	477.086.147
- Nguyên giá	222		1.487.685.543	2.222.112.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.428.061.115)	(1.745.026.669)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.449.328	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.449.328	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	32.208.806.031	32.913.458.589
1. Đầu tư vào công ty con	251		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.791.193.969)	(2.086.541.411)
V. Tài sản dài hạn khác	260		31.934.064	6.826.357
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	31.934.064	6.826.357
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		65.660.395.668	74.789.429.903

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		75.745.293.753	81.170.220.477
I. Nợ ngắn hạn	310		75.707.891.480	81.132.818.204
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	27.572.048.048	30.274.862.332
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.450.000	24.450.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	17.855.536	32.070.956
4. Phải trả người lao động	314		44.009.810	28.491.392
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	16.296.169.506	13.657.066.878
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	1.189.166.759	1.189.184.825
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	32.408.500.000	37.771.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.844.308.179)	(1.844.308.179)
II. Nợ dài hạn	330		37.402.273	37.402.273
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	37.402.273	37.402.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(10.084.898.085)	(6.380.790.574)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	(10.084.898.085)	(6.380.790.574)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(7.320.000)	(7.320.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.321.765.043	14.321.765.043
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(69.399.343.128)	(65.695.235.617)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(65.695.235.617)	(59.407.760.864)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(3.704.107.511)	(6.287.474.753)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.660.395.668	74.789.429.903

Mai Ngọc Liên
Người lập biểu

Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		41.863.178.874	39.056.354.101
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	41.863.178.874	39.056.354.101
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	41.544.224.911	38.755.057.591
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		318.953.963	301.296.510
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.681.801	8.098.475
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.973.755.186	4.945.684.032
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.239.102.628	3.495.073.410
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	651.918.719	895.613.461
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.300.038.141)	(5.531.902.508)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.493.656.535	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	843.408.707	372.170.672
13. Lợi nhuận khác	40		650.247.828	(372.170.672)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.649.790.313)	(5.904.073.180)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	54.317.198	383.401.573
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.704.107.511)	(6.287.474.753)

Mai Ngọc Liên
Người lập biểu

Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.649.790.313)	(5.904.073.180)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	70.648.886	91.049.634
Các khoản dự phòng	03	529.081.752	1.072.700.032
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(3.842.710)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	285.585.577	(4.255.765)
Chi phí lãi vay	06	3.239.102.628	3.495.073.410
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	474.628.530	(1.253.348.579)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	6.825.945.482	3.347.498.973
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	626.792.585	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(2.715.978.680)	2.834.377.936
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(30.982.707)	32.801.989
Tiền lãi vay đã trả	14	(600.000.000)	(800.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(54.317.198)	(383.401.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.526.088.012	3.777.928.746
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	54.545.455	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.681.801	4.255.765
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	61.227.256	4.255.765
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.362.500.000)	(1.429.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.362.500.000)	(1.429.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(775.184.732)	2.353.184.511
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.807.430.880	2.454.246.369
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.032.246.148	4.807.430.880


Mai Ngọc Liên
Người lập biểu


Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng




Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xi măng Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000019 ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 5900305243. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11, vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần là 4.500.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Quyết định số 313/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 05 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly với mã chứng khoán SDY hủy niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017.

Theo Quyết định số 395/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 06 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (mã chứng khoán SDY) được giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán UPCOM từ ngày 02 tháng 06 năm 2017.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Gia công xi măng;
- Vận chuyển clinker;

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Hiện nay Công ty có một (01) đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Xi nghiệp khai thác đá và một (01) Công ty con. Thông tin về Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng ELECEM	Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	100%	100%	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6 người, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 6 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giá định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 42.557.635.090 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 39.936.084.821 đồng). Trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 69.399.343.128 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 65.695.235.617 đồng), vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đang âm 10.084.898.085 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 âm 6.380.790.574 đồng).

Thù lao HĐQT Công ty chưa thực hiện chi trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.098.250.000 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 40.255.432.040 đồng là nợ xấu.

Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

Tổng Giám đốc của Công ty đã xây dựng các kế hoạch để tăng cường khả năng thu hồi công nợ, tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông. Đồng thời, Tổng Giám đốc của Công ty đã làm việc với các nhà cung cấp và các đối tác cho vay để cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn. Với các khoản đi vay, các đối tác cho vay đã tạo điều kiện gia hạn nợ cho Công ty hàng năm.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh đã ký phụ lục hợp đồng số 06 ngày 15 tháng 12 năm 2023 với Công ty cam kết sản lượng gia công xi măng trong 05 năm tới đạt tối thiểu 100.000 tấn. Nếu không đạt, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh sẽ có chính sách bù giá cho Công ty.

Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Máy móc thiết bị

Năm
10
03 - 15

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay tổng hợp phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	197.119.454	27.128.120
Tiền gửi ngân hàng	3.835.126.694	4.780.302.760
Cộng	4.032.246.148	4.807.430.880

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.835.645.908	14.835.645.908
- Chi nhánh 307	14.775.996.860	14.775.996.860
- Văn phòng Công ty	59.649.048	59.649.048
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.571.916.274	2.571.916.274
- Chi nhánh 603	1.886.039.137	1.886.039.137
- Văn phòng Công ty	685.877.137	685.877.137
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	10.152.103.031
Xí nghiệp Sông Đà 11-5 Thăng Long	492.212.947	4.092.212.947
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	2.773.180.260	4.123.615.241
Chi nhánh Công ty TNHH SCG Internaltional Việt Nam tại Đà Nẵng	2.876.446.371	2.551.890.323
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.770.397.108	10.937.926.401
Cộng	42.471.901.899	49.265.310.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng	82.799.250	-
Phải thu khác	2.137.028.175	2.137.028.175
Cộng	2.219.827.425	2.137.028.175
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	195.325.427	195.325.427
Cộng	195.325.427	195.325.427

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.565.117	(15.565.117)	251.917.511	(15.565.117)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	390.440.191	-
Cộng	15.565.117	(15.565.117)	642.357.702	(15.565.117)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước khác	5.875.000	-
Cộng	5.875.000	-
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.272.224	-
- Các khoản khác	24.661.840	6.826.357
Cộng	31.934.064	6.826.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng khoán kinh doanh	1.000.000.000	510.000.000	1.000.000.000	540.000.000
Cổ phiếu SD3 (100.000 cổ phần)		(490.000.000)		(460.000.000)
Cộng	1.000.000.000	510.000.000	1.000.000.000	(460.000.000)

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng	37.843.148.337	23.253.684.901	42.506.997.161	27.711.962.919
- Chi nhánh Sông Đà 3.07 - Công ty CP Sông Đà 3	14.775.996.860	14.775.996.860	14.775.996.860	14.775.996.860
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	-	10.152.103.031	-
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	1.680.971.155	1.680.971.155	1.680.971.155	1.680.971.155
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 1	1.349.712.204	1.349.712.204	1.349.712.204	1.349.712.204
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	685.877.137	68.325.023	685.877.137	68.325.023
- Các đối tượng khác	9.198.487.950	5.378.679.659	13.862.336.774	9.836.957.677
Trả trước cho người bán	302.942.145	202.942.145	302.942.145	202.942.145
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Hoạt động Khoáng sản Gemincos	280.000.000	180.000.000	280.000.000	180.000.000
- Các đối tượng khác	22.942.145	22.942.145	22.942.145	22.942.145
Phải thu khác	2.109.341.558	410.518.767	2.109.341.558	410.518.767
- Vũ Văn Bàu	516.993.815	-	516.993.815	-
- Nguyễn Xuân Toàn	109.601.873	-	109.601.873	-
- Các đối tượng khác	1.482.745.870	410.518.767	1.482.745.870	410.518.767
Cộng	40.255.432.040	23.867.145.813	44.919.280.864	28.325.423.831
				(16.593.857.033)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.801.234.634	420.878.182	2.222.112.816
Thanh lý, nhượng bán	(734.427.273)	-	(734.427.273)
Số dư cuối năm	1.066.807.361	420.878.182	1.487.685.543
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.425.860.731	319.165.938	1.745.026.669
Khấu hao trong năm	28.561.070	42.087.816	70.648.886
Thanh lý, nhượng bán	(387.614.440)	-	(387.614.440)
Số dư cuối năm	1.066.807.361	361.253.754	1.428.061.115
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	375.373.903	101.712.244	477.086.147
Tại ngày cuối năm	-	59.624.428	59.624.428

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.066.807.361 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.066.807.361 đồng).

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	100%	35.000.000.000 (2.791.193.969)	100%	35.000.000.000 (2.086.541.411)
Cộng		35.000.000.000 (2.791.193.969)		35.000.000.000 (2.086.541.411)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	15.862.026.023	13.222.923.395
Trích trước chi phí mua phụ gia	401.854.636	401.854.636
Các khoản chi phí phải trả khác	32.288.847	32.288.847
Cộng	16.296.169.506	13.657.066.878
Trong đó: Phải trả là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)	15.862.026.023	13.222.923.395

11. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng Quản trị	1.098.250.000	1.098.250.000
Phải trả khác	90.916.759	90.934.825
Cộng	1.189.166.759	1.189.184.825
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	37.402.273	37.402.273
Cộng	37.402.273	37.402.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	19.377.658.237	19.377.658.237	20.096.572.968	20.096.572.968
Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh Than Xuân Phú	3.860.173.392	3.860.173.392	4.954.072.946	4.954.072.946
Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Dân Sanh	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000
Phải trả nhà cung cấp khác	3.434.216.419	3.434.216.419	4.324.216.418	4.324.216.418
Cộng	27.572.048.048	27.572.048.048	30.274.862.332	30.274.862.332
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)	19.377.658.237	19.377.658.237	20.096.572.968	20.096.572.968

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản phải trả quá hạn chưa thanh toán với số tiền 4.334.216.419 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.224.216.418 đồng).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực trả, bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số đã thực trả, bù trừ trong năm VND	Giá trị VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	4.522.880	3.478.530.914	3.478.530.914	3.474.008.034	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	54.317.198	54.317.198	54.317.198	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.332.656	29.261.538	29.261.538	47.999.838	-	-	32.070.956	32.070.956
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	51.862.600	51.862.600	51.862.600	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	50.166.126	50.166.126	50.166.126	-	-	-	-
Cộng	17.855.536	3.668.138.376	3.668.138.376	3.682.353.796	3.682.353.796	3.682.353.796	32.070.956	32.070.956



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bà Trần Thị Kim Thoa (i)	31.008.500.000	31.008.500.000	-	4.462.500.000	35.471.000.000	35.471.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital (ii)	1.400.000.000	1.400.000.000	-	900.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
Cộng vay ngắn hạn	32.408.500.000	32.408.500.000	-	5.362.500.000	37.771.000.000	37.771.000.000
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn là các bên liên quan	32.408.500.000	32.408.500.000			37.771.000.000	37.771.000.000

(Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)

- (i) Khoản vay cá nhân của bà Trần Thị Kim Thoa theo các hợp đồng vay vốn cụ thể. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn các khoản vay là 12 tháng kể từ ngày nhận được khoản vay. Theo các phụ lục hợp đồng được ký kết trong năm 2024, khoản vay được gia hạn hoàn trả đến năm 2025. Lãi suất vay vốn hiện tại là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay với Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện) theo hợp đồng vay vốn số 1412/PTIC-SDY ngày 14 tháng 12 năm 2017 và các phụ lục kèm theo với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 11%/năm (từ ngày 22 tháng 08 năm 2019 là 9%/năm). Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt. Tiền gốc và lãi được hoàn trả vào ngày kết thúc thời hạn vay hoặc một ngày khác sớm hơn nếu hai bên có thỏa thuận khác. Phụ lục hợp đồng năm 2024 gia hạn thời gian vay nợ đến 14 tháng 12 năm 2025.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	-	(7.320.000)	14.321.765.043	(59.407.760.864)	(93.315.821)			
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(6.287.474.753)	(6.287.474.753)			
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	-	(7.320.000)	14.321.765.043	(65.695.235.617)	(6.380.790.574)			
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(3.704.107.511)	(3.704.107.511)			
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	-	(7.320.000)	14.321.765.043	(69.399.343.128)	(10.084.898.085)			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là gia công xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động gia công xi măng. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phát sinh tại Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.686.689.320	39.056.354.101
Doanh thu khác	176.489.554	-
Cộng	41.863.178.874	39.056.354.101

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	41.298.655.690	38.755.057.591
Giá vốn hoạt động khác	245.569.221	-
Cộng	41.544.224.911	38.755.057.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	6.681.801	4.255.765
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.842.710
Cộng	6.681.801	8.098.475

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.239.102.628	3.495.073.410
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	30.000.000	(170.000.000)
Dự phòng khoản đầu tư vào Công ty con	704.652.558	1.620.610.622
Cộng	3.973.755.186	4.945.684.032

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	556.953.919	516.106.620
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	23.914.643	69.148.743
Thuế, phí và lệ phí	56.843.044	102.514.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.421.444	540.260.127
Chi phí bằng tiền khác	87.356.475	45.493.655
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(205.570.806)	(377.910.590)
Cộng	651.918.719	895.613.461

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh bù chi phí cho sản lượng xi măng gia công	1.493.656.535	-
Cộng	1.493.656.535	-

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	292.267.378	-
Các khoản bị phạt	44.802.252	281.121.038
Chi phí khấu hao TSCĐ	70.648.886	91.049.634
Các khoản khác	435.690.191	-
Cộng	843.408.707	372.170.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.649.790.313)	(5.904.073.180)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	3.649.790.313	5.217.944.114
Các khoản điều chỉnh tăng	3.923.343.957	5.595.854.704
- Lãi vay loại trừ	3.239.102.628	3.495.073.410
- Phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	44.802.252	281.121.038
- Chi phí khấu hao loại trừ	70.648.886	91.049.634
- Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	132.000.000	108.000.000
- Chi phí loại trừ khác	436.790.191	1.620.610.622
Các khoản điều chỉnh giảm	273.553.644	377.910.590
- Chuyển lỗ năm trước	67.982.838	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	205.570.806	377.910.590
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(686.129.066)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(686.129.066)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh khác	54.317.198	383.401.573
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm trước theo biên bản thanh tra thuế	54.317.198	383.401.573
Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.317.198	383.401.573

9. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.914.643	69.148.743
Chi phí nhân công	556.953.919	516.106.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.676.646.355	39.253.229.902
Chi phí khác bằng tiền	144.199.519	148.008.561
Cộng	42.401.714.436	39.986.493.826

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 98/HĐTĐ ngày 18 tháng 08 năm 2017 tại xã H'Bông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai với mục đích sử dụng đất làm nhà kho chứa vật liệu nổ xây dựng. Thời gian thuê đất đến ngày 11 tháng 11 năm 2018. Tổng diện tích khu đất thuê là 20.000 m². Đến hiện tại, hợp đồng thuê đất đã hết hạn, tuy nhiên do chưa hoàn thành thủ tục đóng cửa mở nên Công ty vẫn phải nộp tiền thuê đất hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê của hợp đồng thuê đất. Hiện tại Công ty chưa thể ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì chưa có hướng dẫn cụ thể và ước tính một cách đáng tin cậy. Do đó Công ty chưa ghi nhận chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Bà Trần Thị Len	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Cổ đông lớn
Ông Trần Quang Ninh	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Hạnh Nguyên	Cổ đông lớn
Ông Trần Quang Huy	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Kim Thoa	Cổ đông lớn
Các thành viên chủ chốt khác trong HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Mua hàng	26.834.338.210	24.707.258.150
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	26.834.338.210	24.707.258.150
Trả nợ gốc vay	5.362.500.000	1.429.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	900.000.000	700.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	4.462.500.000	729.000.000
Chi phí lãi vay	3.239.102.628	3.495.073.410
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	181.875.000	237.625.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	3.057.227.628	3.257.448.410

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	19.377.658.237	20.096.572.968
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	19.377.658.237	20.096.572.968
Chi phí phải trả ngắn hạn	15.862.026.023	13.222.923.395
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	5.163.386.286	5.381.511.286
Bà Trần Thị Kim Thoa	10.599.889.737	7.742.662.109
Bà Đặng Thị Đoàn Trang	98.750.000	98.750.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	32.408.500.000	37.771.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	1.400.000.000	2.300.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	31.008.500.000	35.471.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	108.000.000	119.000.000
Bà Trần Thị Len	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hà (Chủ tịch HĐQT - miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2023)	-	11.000.000
Ông Bùi Xuân Hải	36.000.000	36.000.000
Bà Võ Thị Hà Giang	36.000.000	36.000.000
Tổng Giám đốc	27.941.153	29.653.405
Ông Bùi Xuân Hải	27.941.153	29.653.405
Ban kiểm soát	69.255.579	61.372.908
Bà Đặng Thị Đoàn Trang	36.000.000	25.000.000
Bà Mai Ngọc Liên	21.255.579	24.372.908
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	12.000.000	12.000.000
Cộng	205.196.732	210.026.313

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 0 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 5.362.500.000 đồng.

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp.



Mai Ngọc Liên
Người lập biểu



Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng




Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2025